

Bản án số: 207/2017/DS-ST

Ngày: 26/7/2017

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phú Nhuận.
2. Ông Lâm Văn Quốc Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nhất Dũng – Thư ký Toà án, Toà án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2017/QĐXX-ST ngày 15 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2017/QĐST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Địa chỉ: 11E cư xá LTK, Phường A, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Mu Ham M Y, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: 44E cư xá LTK, Phường A, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/02/2017 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Bà và ông Mu Ham M Y (tên thường gọi là Bảy) là hàng xóm, ông Mu Ham M Y làm thợ hồ nên giáp Tết 2014 bà thuê ông qua làm sơn nước và sửa điện nước cho nhà bà. Ngày 28/02/2014, ông Mu Ham M Y cần tiền nên đã vay của bà 20.000.000 đồng, lãi suất là 1.500.000 đồng/tháng, vay trong thời hạn 02 tháng.

Ngày 30/4/2014, ông Mu Ham M Y vay tiếp 500.000 đồng và hẹn 30/5/2014 trả hết số tiền vay là 20.500.000 đồng.

Ngày 30/8/2014, ông Mu Ham M Y tiếp tục vay của bà 500.000 đồng và hẹn khi sửa nhà xong thì ông hoàn trả cho bà. Bà đã liên lạc nhiều lần nhưng ông Mu Ham M Y không nghe máy, liên hệ với ông thì bà được biết điện thoại của ông bị hỏng. Do có nhu cầu liên lạc nên ông Mu Ham M Y đã mua lại điện thoại của bà với giá trị là 500.000 đồng và hứa đến tháng 09/2014 thì ông sẽ trả hết số tiền đã vay của bà là 21.500.000 đồng. Tuy nhiên, bà đã cố gắng liên lạc và gặp ông Mu Ham M Y yêu cầu trả nợ nhưng ông không thực hiện. Số tiền lãi ông Mu Ham M Y hứa hẹn trả nhưng tôi chỉ nhận được 200.000 đồng mà không hề nhận được thêm tiền lãi nào kể từ khi cho ông Mu Ham M Y vay tiền.

Số tiền ông Mu Ham M Y vay của bà đã quá lâu, hoàn cảnh hiện nay của bà rất khó khăn. Do vậy, bà yêu cầu Toà án buộc ông Mu Ham M Y phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 21.500.000 đồng và không yêu cầu trả tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Mu Ham M Y trình bày trong bản tự khai: Ông quen biết bà L do bà Yến là hàng xóm giới thiệu. Lần đầu ông mượn của bà L là 500.000 đồng, sau đó ông mượn nhiều lần nhưng không nhớ rõ số tiền là bao nhiêu. Do chưa có khả năng trả nợ cho bà L nên tiền lãi và gốc cứ tăng dần và cộng gộp lại số tiền là 21.500.000 đồng. Tại Công an Phường 7, Quận 10 ông cam kết mỗi tháng trả 1.000.000 đồng nhưng hiện tại ông còn mẹ già trên 80 tuổi và con nhỏ dưới 2 tuổi, ông xin được trả góp mỗi tháng 800.000 đồng cho tới khi dứt nợ.

Tuy nhiên, quá trình Toà án triệu tập ông Mu Ham M Y nhiều lần để tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng ông Mu Ham M Y đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Toà án nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện bị đơn trả số tiền nợ còn thiếu có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa hai bên là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn ông Mu Ham M Y đang cư trú tại Quận 10 nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà L có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Ông Mu Ham M Y đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Bà L yêu cầu ông Mu Ham M Y trả số tiền vốn là 21.500.000VNĐ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Để chứng minh cho yêu cầu trên, bà L đã cung cấp cho Tòa án “Giấy cam kết vay nợ” ngày 28/02/2014 có chữ ký người nhận tiền mang tên Mu Ham M Y.

Sau khi thụ lý vụ án, ông Mu Ham M Y đến Tòa viết bản khai nhưng sau đó Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ đúng theo quy định của pháp luật nhưng ông Mu Ham M Y không đến Tòa án để tham gia tố tụng.

Mặc dù biết rõ những yêu cầu, chứng cứ mà bà L đưa ra đối với mình, ông Mu Ham M Y có ý kiến phản đối nhưng không tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa và không cung cấp các tài liệu chứng cứ khác để chứng minh. Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Ngoài ra, ông Mu Ham M Y cũng thừa nhận số tiền nợ 21.500.000 đồng và xin được hàng tháng trả cho bà L số tiền 800.000VNĐ cho tới khi dứt nợ. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông Mu Ham M Y phải trả tiền lãi.

3. Về án phí: Bị đơn chịu án dân sự sơ thẩm là 1.075.000VNĐ (một triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 357, 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà L về việc yêu cầu ông Mu Ham M Y trả nợ.

Buộc ông Mu Ham M Y trả cho bà L số tiền vốn vay là 21.500.000VNĐ (Hai mươi một triệu năm trăm nghìn đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành không thi hành các khoản tiền phải nộp, thì hàng tháng phải chịu thêm số tiền lãi với mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mu Ham M Y chịu 1.075.000VNĐ. Hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 712.500VNĐ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001097 ngày 16/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM,
- VKSND Q.10,
- Chi cục THADS Q.10,
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phương Lan